TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST
Ngày 26-5-2020
"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phượng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Ban; ông Vũ Đình Binh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phừ Cừ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-KDTM ngày 23/12/2019 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-KDTM ngày 20/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại C;

Địa chỉ: Số 50 phố H, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông N, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông P - Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, C Bank hội sở. (vắng mặt)

Người đại diện của ông P: (Theo văn bản ủy quyền số 142/2020/UQ-VPB ngày 10/2/2020)

+ Ông T, Cán bộ xử lý nợ; (có mặt)

+ Ông P1, Cán bộ xử lý nợ; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng 2B-Nhà R, số 72 phố N, Thanh Xuân, Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, Phù Cừ, Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai của người đại diện nguyên đơn, ông T trình bày:

Ngày 17/4/2018, Ngân hàng Thương mại C - Chi nhánh Hà Nội- Phòng Giao dịch Định Công (sau đây viết tắt là C Định Công) và ông Nguyễn Đức V, địa chỉ tại thôn T, xã Q, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên ký hợp đồng cho vay số 120418-4645260-01-SME; theo đó C Định Công cho ông V vay số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng chẵn), thời hạn vay tối đa là 36 tháng; mục đích là bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; phương thức cho vay từng lần và chuyển khoản vào tài khoản bên thụ hưởng; lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận, nhu cầu vay vốn, mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ hoặc các văn bản ký kết giữa các bên; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay từ Hợp đồng cho vay số120418-4645260-01-SME, ông Nguyễn Đức V đã ký hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/C-4645260 ngày 17/4/2018 với C Định Công, theo đó bên được bảo lãnh là Doanh nghiệp tư nhân xây dựng HY (Doanh nghiệp do ông V là Giám đốc).

Cụ thể, lần 1 ngày 19/4/2018, ông V được vay 800.000.000 đồng, lần 2 ngày 21/5/2018, ông V được vay thêm 200.000.000 đồng. Theo nội dung hợp đồng thì hàng tháng ông V phải trả một khoản tiền gốc và lãi đối với số tiền nợ tại hai khế ước nhận nợ riêng biệt theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay, ông Nguyễn Đức V vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức V phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/2/2020 là: 1.150.252.368 đồng; trong đó: khoản nợ gốc là 790.397.404 đồng; tiền lãi trong hạn: 14.663.367 đồng; tiền lãi quá hạn là 322.924.435 đồng; phạt chậm trả lãi là 22.267.163 đồng, ngoài ra ông V phải tiếp tục chịu lãi và phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi ông V thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại C. Trong trường hợp ông V và Doanh nghiệp tư nhân xây dựng HY không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại C, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của Doanh nghiệp xây dựng HY và ông Nguyễn Đức V để thu hồi khoản nợ vay. Ông V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn, ông Nguyễn Đức V trình bày:

Ông được người quen giới thiệu và biết đến Ngân hàng C cho vay vốn, được bạn bè dẫn đến địa chỉ Ngân hàng C tại Phố H, Đống Đa, Hà Nội khoảng tháng 3/2018. Ông đã đề nghị đại diện C cho vay vốn và được đồng ý cho vay số tiền là 1.500.000.000 đồng; hai bên giao dịch bằng miệng, chưa lập thành văn bản. Sau đó Ngân hàng C cho người đến nhà ông xem xét tài sản gồm: nhà, đất tại thôn T, xã Q; xưởng tôn xốp của ông làm chung với anh em tại Phố Cao, thị trấn Trần Cao, Phù Cừ, Hưng Yên. Sau đó một tháng thì ông nhận được tiền của Ngân hàng cho vay qua hình thức chuyển khoản thanh toán cho công ty HY đã

mua hàng của công ty cung cấp xi măng, sắt thép với số tiền là 800.000.000 đồng. Sau đó một tháng, Ngân hàng lại chuyển khoản đến tài khoản của ông số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này ông dùng để thanh toán công nợ của Doanh nghiệp HY. Sau khi vay hai khoản tiền nêu trên, ông đã không vay nữa vì lãi suất Ngân hàng tính quá cao. Từ khi vay, ông đã thực hiện việc trả gốc và lãi đến đầu năm 2019, ông không nhớ đã trả bao nhiêu tiền gốc và lãi cho Ngân hàng; ông V cũng không xác định được ông còn nợ Ngân hàng bao nhiêu tiền. Ông xác định có vay thì có trả, tuy nhiên do khó khăn nên ông đề nghị trả dần cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ khoản vay bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 26/5/2020. Riêng phần lãi phạt chậm trả lãi là 33.027.531đ, nguyên đơn rút yêu cầu.
- Bị đơn trình bày: Bị đơn xác định có vay tiền của nguyên đơn như nội dung các bên đã ký kết, nay do khó khăn về tài chính nên chưa trả được, mong muốn nguyên đơn miễn tiền lãi và cho lùi thời hạn thanh toán. Ngoài ra bị đơn yêu cầu làm rõ nội dung có hay không việc Ngân hàng C lừa đảo khách hàng, tính lãi quá cao đối với khoản vay.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Nguyễn Đức V phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 1.202.161.366 đồng, bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự đã thực hiện việc ký hợp đồng tín dụng để bổ sung vốn kinh doanh, nay nguyên đơn khởi kiện để giải quyết tại Tòa án, bị đơn là người có địa chỉ tại xã Q, huyện Phù Cừ, do đó Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 30 và 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng số 120418-4645260-01-SME được hai bên ký kết ngày 17/4/2018 trên các nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận, phù hợp với các quy đinh của pháp luật dân sự, do đó có hiệu lực đối với các bên tham gia.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay (bị đơn) đã thanh toán được một phần tiền nợ gốc và lãi, kể từ ngày 18/3/2019 đến nay bị đơn không tiếp tục trả khoản nợ nào, vi phạm các thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ được chấp nhận.

Tính đến thời điểm xét xử, phía bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 1.202.0161.366 đồng, trong đó gồm:

- Tiền nợ gốc: 790.397.404 đồng
- Tiền nợ lãi: 411.763.962 đồng

Đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi là 33.027.531 đồng, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Tòa án tuyên về nghĩa vụ trả nợ: Trong trường hợp ông Nguyễn Đức V và doanh nghiệp HY không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành xác minh, kê biên các tài sản thuộc sở hữu của ông V và doanh nghiệp để thu hồi khoản nợ. Do C Định Công cho cá nhân ông V vay tiền, không liên quan đến doanh nghiệp tư nhân xây dựng HY, khi C Định Công cho ông V vay tiền thì hai bên cũng không ký hợp đồng thế chấp tài sản, mặt khác việc yêu cầu kê biên, xử lý tài sản thuộc giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về hợp đồng bảo lãnh: Ngày 17/4/2018, ông Nguyễn Đức V và C Định Công ký hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/C-4645260 để đảm bảo cho nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay số 120418-4645260-01-SME; theo đó bên được bảo lãnh là: Doanh nghiệp tư nhân xây dựng HY. Tuy nhiên tại Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ đều thể hiện bên vay là ông Nguyễn Đức V; các đương sự đều khẳng định bên vay là ông V chứ không phải Doanh nghiệp tư nhân xây dựng HY. Như vậy Hợp đồng bảo lãnh giữa ông V và C Định Công được xác lập có sự nhầm lẫn, bên nguyên đơn có quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, tuy nhiên đại diện nguyên đơn không đề nghị do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nội dung bị đơn đề nghị xem xét về lãi suất quá cao, có dấu hiệu lừa đảo khách hàng nêu tại "đơn phản tố" và ý kiến của bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi xác lập giao dịch vay vốn, bị đơn hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, bị đơn cũng khẳng định rằng không có tài sản thế chấp thì không vay được tại các ngân hàng khác số tiền tương tự, nội dung "dấu hiệu lừa đảo" không liên quan đến vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại C, buộc ông Nguyễn Đức V có nghĩa vụ trả khoản nợ, bao gồm tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 26/5/2020 là 1.202.161.366 đ *(Một tỷ, hai trăm linh hai triệu, một trăm sáu mốt nghìn, ba trăm sáu sáu đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản vay theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí:

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 20.000.000 đồng theo biên lai số 005915 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ.

Bị đơn phải chịu 24.032.420 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Phượng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.